

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Lộc,
huyện Thọ Xuân đến năm 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 01/7/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 10/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về xây dựng và phát triển huyện Thọ Xuân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 37/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2539/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070;

Căn cứ Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 của UBND huyện Thọ Xuân về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân đến năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 1021-TB/HU ngày 15/7/2022 của Văn phòng Huyện ủy về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy về chủ trương xây dựng quy hoạch chung các xã trên địa bàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 43/UBND-TTGT ngày 15/9/2022 của UBND xã Thọ Lộc về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan đơn vị tại các Văn bản số 5355/SXD-QH ngày 25/7/2022 của Sở Xây dựng; số 2488/SGTVT-KHTC ngày 17/5/2022 của Sở Giao thông Vận tải; số 1802/SNN&PTNT-KHTC ngày 14/5/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 1555/SCT-KHTH ngày 06/6/2022 của Sở Công thương; số 4555/STNMT-QLDD ngày 01/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về nội dung đề án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/5/2022 của Hội đồng nhân dân xã Thọ Lộc về việc Thông qua đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân đến năm 2030;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng (kèm theo Văn bản thẩm định) và đề nghị của UBND xã Thọ Lộc tại Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 15/9/2022 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân đến năm 2030, với nội dung như sau:

1. Tên đề án: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân đến năm 2030.

2. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Xã Thọ Lộc có vị trí về phía Đông Nam huyện Thọ Xuân, khu vực lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới xã Thọ Lộc Ranh giới xác định cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Nam Giang;
- Phía Nam giáp xã Xuân Lộc huyện Triệu Sơn;
- Phía Đông giáp xã Xuân Phong;
- Phía Tây giáp xã Xuân Sinh, huyện Thọ Xuân và xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn.

3. Quy mô lập quy hoạch.

a) Quy mô diện tích lập quy hoạch: 469,57ha.

b) Quy mô dân số lập quy hoạch: 5.450 người. (hiện trạng: 4.700 người)

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật lập quy hoạch

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

* Về sử dụng đất: Nhu cầu đất xây dựng khoảng 41-50 m²/người.

- Đất ở: 25-30 m²/người.

- Đất công trình công cộng và dịch vụ: 5-6 m²/người.

- Đất cây xanh công cộng: 2-3 m²/người.

- Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: 5-6 m²/người.

(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường: 0,8 kg rác/người/ngày/đêm.

- Về cấp nước tiêu chuẩn: 60 - 80 lít/người/ngày-đêm.

- Về thoát nước bản tiêu chuẩn: $\geq 80\%$ lượng nước cấp.

- Về cấp điện:

+ Tiêu chuẩn cấp điện: $\geq 200W$ /người/ngày/đêm.

+ Chiều sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$

5. Phân khu chức năng, tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ.

5.1. Định hướng tổ chức khu dân cư mới và cải tạo thôn.

- Trên địa bàn xã hiện nay có các thôn (thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6). Các khu vực dân cư tập trung tại các thôn giữ nguyên theo hiện trạng, tuy nhiên cần phải chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Ban hành các quy định quản lý về trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm. Để đáp ứng việc gia tăng dân số cơ học cần phải xây dựng thêm các điểm khu dân cư mới, trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, và lựa chọn các khu vực đất chưa sử dụng hoặc đất nông nghiệp năng suất thấp; theo đó theo các giai đoạn được xác định như sau:

*Đất dân cư phát triển:

- Giai đoạn ngắn hạn: Để đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của xã Thọ Lộc nói riêng và huyện Thọ Xuân nói chung. Giai đoạn 2025 đảm bảo tổng dân số của toàn xã vào khoảng 5.100 người. Do vậy cần phải có quỹ đất hợp lý để đáp ứng cho yêu cầu trên với quy mô diện tích 6,19ha. Trong đó: tại vị trí thôn 2.

- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2030 với quy mô tổng dân số toàn xã đạt khoảng 5.450 người, diện tích đất ở được bố trí quy hoạch là 3,21ha. Trong đó: tại vị trí các thôn 3, thôn 4.

5.2. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

- Khu vực trung tâm xã được bố mới tại vị trí Thôn 4, qua kiểm kê đánh giá hệ thống các công trình gần khu trung tâm được quy hoạch mới sao cho đáp ứng đủ quy mô diện tích cũng như cơ sở vật chất. Do đó, trên cơ sở rà soát hệ thống giao thông và quỹ đất thuận lợi xây dựng, khu Trung tâm xã được bố trí tập trung tại khu vực thôn 4. Trong đó gồm hạng mục với quy mô diện tích là: UBND diện tích 0,4 ha; Sân thể thao trung tâm xã có diện tích 1,51 ha.

- Các công trình: giáo dục hiện trạng mở rộng; công an xã, bưu điện quy hoạch mới; trạm y tế giữ nguyên hiện trạng. Để đảm bảo quy mô và diện tích, do đó chỉ cải tạo chỉnh trang, nâng cấp cơ sở vật chất.

- Khu trung tâm xã tại vị trí này đã đảm bảo thuận lợi cho công tác đối ngoại, cũng như đối nội, đồng thời đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân trên toàn xã.

5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ

- Theo Quy hoạch sử dụng đất huyện Thọ Xuân đến 2030, trên địa bàn xã có bố trí 1 cụm khu công nghiệp với tổng diện tích trên 40ha. Song hành với việc phát triển tiêu thụ công nghiệp sẽ thúc đẩy các loại hình dịch vụ thương mại đi kèm, do đó quy hoạch bố trí khu vực đất dịch vụ - thương mại tại khu vực thôn 4 và thôn 5.

Phát huy lợi thế có đường Quốc lộ 47C chạy qua (2,5km), dịch vụ và thương mại phát triển đa dạng đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của nhân dân trong xã, các xã lân cận. Gắn với quy hoạch nông thôn mới, tạo điều kiện cho nhiều hộ gia đình đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển dịch vụ thương mại, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của nhân dân địa phương, các xã lân cận, như: khu trung tâm, dịch vụ vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, cửa hàng vật liệu xây dựng, cửa hàng vàng bạc, các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, dịch vụ phục vụ ăn uống, công ty xăng dầu... ngày càng phát triển mang lại nguồn thu lớn cho gia đình và xã hội

5.4. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ.

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích (ha)	Định hướng kiến trúc
1	Trụ sở UBND	Thôn 4	Giữ nguyên hiện trạng	0.4	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình cấp xã + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Diện tích đất xây dựng: không nhỏ hơn 1.000m ² ; + Diện tích cây xanh ≤40%
2	Trung tâm văn hoá thể thao	Thôn 5	Quy hoạch mới	1.51	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích (ha)	Định hướng kiến trúc
					trình cấp xã + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Diện tích đất xây dựng: không nhỏ hơn 500m ² ; + Diện tích cây xanh $\leq 30\%$
3	Giáo dục				
3.1	Trường tiểu học	Thôn 4	Hiện trạng mở rộng	1.0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với cảnh quan xung quanh + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$ + Diện tích cây xanh $\geq 30\%$
3.2	Trường THCS	Thôn 4	Hiện trạng mở rộng	0.73	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với cảnh quan xung quanh + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$ + Diện tích cây xanh $\geq 30\%$
3.3	Trường mầm non	Thôn 4	Hiện trạng mở rộng	0.62	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với cảnh quan xung quanh + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$ + Diện tích cây xanh $\geq 30\%$
4	Trạm Y tế	Thôn 4	Hiện trạng	0.19	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, mang đặc trưng ngành y tế. + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng $\leq 40\%$ + Diện tích cây xanh $\leq 45\%$
5	Buru điện	Thôn 4	Hiện trạng	0.03	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, mang đặc trưng ngành. + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng $\leq 80\%$
6	Công an xã	Thôn 4	Hiện trạng	0.05	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, mang đặc trưng ngành. + Chiều cao từ 1-2 tầng;

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích (ha)	Định hướng kiến trúc
					+ Mật độ xây dựng $\leq 80\%$
7	Nhà văn hoá đa năng	Thôn 4	Quy hoạch mới	0.39	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, mang đặc trưng ngành. + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng $\leq 80\%$
8	Nhà văn hóa thôn		Giữ nguyên hiện trạng		Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, mang đặc trưng của công trình văn hóa + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng $\leq 40\%$
9	Khu thể thao thôn				
9.1	Khu thể thao Thôn 1	Thôn 1	Quy hoạch mới	0.49	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, mang đặc trưng của công trình thể thao +Vùng 1 diện tích từ $>300m^2$ (chưa kể sân bóng đá) +Vùng 2 diện tích từ $>500m^2$ (chưa kể sân bóng đá) + Sân bóng đá: diện tích theo tiêu chuẩn; mặt sân cỏ phẳng, khô thoáng, có cầu môn.
9.2	Khu thể thao Thôn 2	Thôn 2	Quy hoạch mới	0.49	
9.3	Khu thể thao Thôn 3	Thôn 3	Quy hoạch mới	0.43	
9.4	Khu thể thao Thôn 4	Thôn 4	Quy hoạch mới	0.46	
9.5	Khu thể thao Thôn 5	Thôn 5	Quy hoạch mới	0.46	
9.6	Khu thể thao Thôn 6	Thôn 6	Quy hoạch mới	0.43	

5.5. Quy hoạch sử dụng đất.

TT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	MĐXD (%)	Tầng cao	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A	Đất nông nghiệp				209.57	44.63	
1	Đất trồng trọt				204.31	43.51	
1.1	Đất trồng lúa	LUC			171.23	36.47	
1.2	Đất trồng màu	BHK			29.35	6.25	
2	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS			5.26	1.12	

TT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	MĐXD (%)	Tầng cao	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
3	Đất nông nghiệp khác	NKH			3.73		
B	Đất xây dựng				242.2	51.58	
1	Đất dân cư hiện trạng	HT	80	3-5	93.1	19.83	Giữ nguyên hiện trạng, cải tạo chỉnh trang
2	Đất ở mới năm 2025	DCM	80	3-5	6.19	1.32	Quy hoạch mới - ngắn hạn
3	Đất ở mới năm 2030	DCM*	80	3-5	3.21	0.68	Quy hoạch mới - ngắn hạn
4	Đất trung tâm Hành chính				2.01	0.43	Hiện trạng - mở rộng
4.1	UBND	UBND	40	1-3	0.4		Giữ nguyên hiện trạng
4.2	Đài tưởng niệm	ĐTN	20	1-2	0.1		Giữ nguyên hiện trạng
4.3	Sân vận động, trung tâm văn hóa xã	TTVH	20	1-2	1.51		Quy hoạch mới, mở rộng
5	Đất y tế	YT	40	1-3	0.19		Hiện trạng
6	Bru điện	BĐ	80	1-2	0.02		Hiện trạng
7	Đất giáo dục	GD	40	1-2	2.35	0.50	
7.1	Trường mầm non	GD1			0.62		Hiện trạng - mở rộng
7.2	Trường tiểu học	GD2			1.0		Hiện trạng - mở rộng
7.3	Trường THCS	GD3			0.73		Hiện trạng - mở rộng
8	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	CX-TT	30	1-2	2.76	0.58	Quy hoạch mới- ngắn hạn
9	Đất công viên cây xanh	CX			1.32		
10	Công trình công cộng	CC	40	1-2	1.05	0.20	Quy hoạch mới, giữ nguyên hiện trạng
11	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	CN-	50	1-2	45.0	9.58	Cập nhật định hướng QH vùng huyện
12	Đất dịch vụ	TM	50	1-2	6.97	1.48	

TT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	MĐXD (%)	Tầng cao	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	thương mại						
13	Đất dự trữ phát triển	DT			6.29	1.34	
14	Đất tôn giáo, danh lam di tích, đình đền	DDT			1.35		Quy hoạch mới
15	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT			70.79	15.02	
15.1	Đất giao thông	GT			61.58	13.05	
15.2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NĐ			8.24	1.75	Hiện trạng - mở rộng
15.3	Đất sử lý chất thải rắn	CTĐM			0.97	0.21	Giữ nguyên hiện trạng
C	Đất khác				17.80	3.79	
1	Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối và đất có mặt nước chuyên dùng	DMN			13.21	2.81	
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS			4.59	0.98	
	Tổng diện tích lập quy hoạch				469.57	100.00	

6. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

6.1. Quy hoạch giao thông

Hệ thống giao thông xã được chia thành hệ thống giao thông đối ngoại và hệ thống giao thông đối nội, cụ thể:

a) Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Đường QL.47C đi thị trấn Thọ Xuân - Nông Công quy mô đường cấp III, 2-4 làn xe; chiều dài khoảng 2,1km; lộ giới 46m.

- Đường nối QL.47C đi xã Xuân Phong quy mô đường cấp IV, 2-4 làn xe; chiều dài khoảng 2,1km; lộ giới 20,5m.

b) Hệ thống giao thông đối nội.

Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trục thôn, liên thôn, trục xóm, nội đồng trên cơ sở mạng lưới cũ đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chí chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao:

- Quy hoạch mới trục đường chính của xã trong đó: Số làn xe: 2-4 làn; Lộ giới 20,5-28m ;
- Các tuyến liên thôn, trục thôn chính trong đó: Số làn xe: 2làn; Lộ giới 17.5m;
- Các tuyến nội thôn, nội đồng, trục xóm, ngõ trong đó: Số làn xe: 2làn; Lộ giới 13.5m.

6.2. Quy hoạch cấp điện

Toàn xã có 5 trạm biến áp với tổng dung lượng các trạm là 1.200 KVA. Số đường dây hạ thế là 12km, số đường dây trung thế là 5km.

- Nguồn điện được đấu nối với đường dây hiện trạng của xã. Đường dây cấp điện: Sử dụng hệ thống đường dây cấp điện cũ trên cơ sở nâng cấp chất lượng tiến tới cáp bọc hóa đường dây. Kéo dài hệ thống đường dây cho khu dân cư mới.

Trong kỳ quy hoạch bố trí xây dựng mới 1 trạm (TBA-06) để đáp ứng cấp điện cho phát triển khu dân cư mới hình thành trong tương lai, dự kiến công suất tính toán của trạm biến áp này khoảng 400KVA

Tổng công suất cho nhu cầu điện của xã : 1.600 KVA (chưa bao gồm cấp điện cho cụm công nghiệp : 2.420,5 KVA).

6.3. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn cấp nước sinh hoạt: đấu nối với ống cấp nước từ nhà máy nước Lam Sơn - Sao Vàng.

- Đến năm 2030 sẽ xây dựng đường dây đường ống để cung cấp nước cho tất cả các hộ dân được sử dụng từ nhà máy nước sạch trong sinh hoạt.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, với tiết diện đường ống chính D32-D225. Nguồn nước ngầm và nước mặt sông được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

- Chỉ tiêu cấp nước:

- + Cấp nước tiêu chuẩn : 60 – 80 lít/người/ngày/đêm
- + Cấp nước khu trung tâm chức năng: 45 m³/ha
- + Lưu lượng nước thất thoát: 8% lưu lượng cấp nước.

6.4. Quy hoạch thoát nước mưa

Tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo khu vực nghiên cứu quy hoạch không bị ngập úng, sạt lở, đủ khả năng chống lại nguy cơ nước biển dâng trong trường hợp bất lợi nhất. Kết hợp hài hòa cao độ nền khu dân cư hiện trạng và cao độ nền của khu đất quy hoạch xây dựng mới.

Chọn các tuyến đường chính: Đường đôi ngoại, đường vành đai làm các trục phân lưu chính, san nền tạo dốc hướng về các trục tự thủy là các tuyến đường dọc sông. Nước mưa được thu về hệ thống cống thoát nước chạy dọc các tuyến này, thoát ra hệ thống sông. Phân chia thành các lưu vực của các thôn dọc theo kênh đào của xã.

- Đến năm 2030 sẽ xây dựng mạng lưới đường ống thoát nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt. Tiết diện đường ống chính: D1000, tiết diện đường ống nhánh : D600.

6.5. Quy hoạch Thoát nước thải vệ sinh môi trường

- Hệ thống xử lý nước thải

Đối với nước thải sinh hoạt của các khu dân cư thôn (xóm) đã xử lý thô cho phép được tự ngấm, hoặc chảy tràn ra hệ thống ao hồ qua hệ thống cống, mương có tấm đan hoặc mương hở để thoát nước chung.

Đối với nước thải chăn nuôi, và cơ sở sản xuất chế biến bắt buộc xây dựng hệ thống chứa nước thải để xử lý trước khi thải ra môi trường bên ngoài

- Hệ thống rác thải

Hiện tại trên địa bàn xã có bố trí bãi rác với diện tích là 0,97ha nằm về phía Tây Nam của xã. Rác thải được thu gom và vận chuyển trực tiếp đến các khu xử lý. Đảm bảo 100% các hộ đều tham gia thu gom rác thải đến khu tập trung của xã để vận chuyển đi xử lý.

6.6. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

* Thu gom, xử lý chất thải rắn:

Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ không còn được tái chế, sẽ chuyển về bãi trung chuyển để vận chuyển đi xử lý

* Nghĩa trang nhân dân:

- Hiện trạng nghĩa trang nhỏ lẻ trong xã sẽ đóng cửa, đồng thời chỉnh trang, có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân chính, trong đó bố trí khu hung táng, cát táng riêng, cụ thể như sau: Quy hoạch mở rộng nghĩa trang vị trí phía Tây Nam xã với tổng diện tích khoảng 4,16 ha trong đó quy hoạch mới khu nghĩa trang có diện tích là : 3,56ha.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

a. Các dự án hạ tầng kỹ thuật

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống đường điện
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện trạng

b. Các dự án hạ tầng xã hội

- Dự án xây dựng mới khu trung tâm văn hoá thể dục thể thao xã.
- Dự án đầu tư mở rộng và xây dựng mới các công trình: trường học, chợ.
- Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được quy hoạch trong giai đoạn ngắn hạn và dài hạn.

c. Các dự án về sản xuất

- Dự án xây dựng hạ tầng phục vụ các khu vực sản xuất (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, môi trường,...)

8. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch.

a. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền, đề cao vai trò của mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng

- Để thực hiện chương trình đạt kết quả tốt, cần có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp từ huyện, xã đến hộ nông dân, sự hỗ trợ giúp đỡ của các ban ngành và các doanh nghiệp. Trên cơ sở chương trình của huyện, xã, các thôn phải xây dựng kế hoạch mục tiêu phát triển cụ thể hàng năm. Cấp ủy Đảng trực tiếp lãnh đạo, chính quyền điều hành bằng các biện pháp, chính sách cụ thể; các ban ngành tham mưu công tác chỉ đạo; Mặt trận, các tổ chức đoàn thể có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các hội viên tham gia chương trình phát triển kinh tế có hiệu quả.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp lồng ghép nhiều nguồn lực, trong đó nguồn lực trong nhân dân là chủ yếu. Huyện có chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế, tìm kiếm, thu hút lồng ghép các dự án.

- UBND xã phối hợp với các phòng, ban liên quan xây dựng kế hoạch một cách chi tiết, cụ thể và tổ chức thực hiện trên địa bàn đạt kết quả tốt.

- Trong quá trình thực hiện, hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và có sự điều chỉnh phù hợp nhằm thực hiện có hiệu quả. Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các hộ dân điển hình để động viên phong trào.

- Việc thực hiện tốt Chương trình quy hoạch xây dựng nông thôn mới đến năm 2030 có ý nghĩa trong việc khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn xã. Vì vậy, cần có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành đoàn thể từ xã đến cơ sở một cách đồng bộ, tạo sự đột phá quan trọng trong sự nghiệp CNH – HĐH

b. Giải pháp về quản lý đất đai

- Xây dựng đề án giao đất, cho thuê diện tích đất, mặt nước cho hộ gia đình, tổ chức, cá nhân để phát triển kinh tế.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thuê đất, cấp quyền sử dụng đất cho các cơ sở, doanh nghiệp, tổ chức, dịch vụ.. v.v... đầu tư vào, nhằm sử dụng lợi thế của vùng..

- Đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, hộ gia đình được giao đất phát triển theo quy hoạch, nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở yên tâm đầu tư sản xuất.

c. Giải pháp về tổ chức quản lý sản xuất

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật

+ Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhằm nâng cao sản lượng cây trồng vật nuôi, giảm thiệt hại về dịch bệnh, thiên tai nhằm thu được hiệu quả kinh tế cao nhất.

+ Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao vào sản xuất, nuôi trồng, luôn cập nhật thị trường những mặt hàng nông sản để nguồn cung và cầu ổn định, tạo tâm lý cho người dân in tâm sản xuất.

- Đào tạo nguồn nhân lực

Nâng cao trình độ quản lý sản xuất kinh doanh và trình độ khoa học kỹ thuật của hộ gia đình, cá nhân cụ thể:

+ Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng về quản lý, quy trình và cách thức làm giàu từ nông nghiệp.

+ Tổ chức các lớp chuyển giao kỹ thuật và công nghệ mới cho các hộ nông dân, hỗ trợ họ trong việc triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

+ Đào tạo bằng nhiều hình thức như mở lớp tại địa phương, tham quan, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật... với sự tổ chức hỗ trợ của các cơ quan như Phòng kinh tế, Hội Nông dân, trung tâm khuyến nông...

d. Đổi mới công tác tổ chức quản lý sản xuất

- Quy hoạch khoanh vùng, lựa chọn mô hình kinh tế phù hợp với từng đặc điểm tự nhiên của xã, nhằm tạo điều kiện cho các vùng trên địa bàn xã phát triển đồng đều trên cơ sở đầu tư, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, liên kết giữa các vùng để tạo nên sự phát triển kinh tế hài hoà trên địa bàn xã.

- Đối với vùng nông nghiệp: Đảm bảo vững chắc lương thực, tạo sản phẩm hàng hoá đạt chất lượng cao cho thị trường. Cần phát triển nông nghiệp toàn diện như: thâm canh cây lúa chất lượng cao, cây thực phẩm; chăn nuôi gia súc, gia cầm xa khu vực dân cư; nuôi trồng, khai thác thủy sản, dịch vụ trên cơ sở hình thành các khu xử lý môi trường, tránh ô nhiễm đất, nguồn nước, không khí.

e. Giải pháp về thu hút đầu tư

- Lòng ghép và thu hút đầu tư từ nhiều nguồn vốn như: vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, địa phương hỗ trợ, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn vay ngân hàng chính sách xã hội, vốn huy động từ cộng đồng dân cư.

- Tổ chức các hoạt động quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới; các mục tiêu cần đạt được trong xây dựng nông thôn mới; mức độ, hình thức tham gia đóng góp của nhân dân và cộng đồng để nhân dân và cộng đồng hiểu rõ chủ động và tự giác tham gia, đồng thời qua tuyên truyền tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân.

- Huy động các nguồn lực sẵn có trong nhân dân tùy theo khả năng để đóng góp sức người, sức của; phát huy tính sáng tạo và sự tham gia đóng góp của nhân dân và các doanh nghiệp tại địa phương.

f. Giải pháp về thông tin tuyên truyền

- Tích cực thôn tin tin truyền trên các phương tiện thông tin, như loa phát thanh, điện thoại internet, trang web của xã, của huyện nhằm cung cấp đầy đủ thông tin một cách đầy đủ và chính xác nhất.

- Mở các lớp bồi dưỡng tại trung tâm xã, nhà văn hóa các thôn, Đảng viên và cán bộ xã luôn gương mẫu đi đầu thực hiện các chính sách cũng như chủ trương của nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao UBND xã Thọ Lộc có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ theo nội dung phê duyệt, đóng dấu cơ quan thẩm định, cơ quan phê duyệt và cơ quan thỏa thuận, bàn giao đầy đủ hồ sơ cho UBND huyện Thọ Xuân để quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Tổ chức công bố công khai tại công sở UBND xã, nhà văn hóa thôn và trên cổng thông tin điện tử của xã đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân đến năm 2030 để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và giám sát thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa, quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm: Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện theo Quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn UBND xã Thọ Lộc thực hiện những nội dung liên quan; đồng thời, chủ động thực hiện những nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch huyện có trách nhiệm đăng tải đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân đến năm 2030 lên cổng thông tin điện tử của huyện Thọ Xuân.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Nội vụ; Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch huyện; Chủ tịch UBND xã Thọ Lộc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lý Đình Sĩ